**Để giúp phụ huynh, học sinh (HS) hiểu rõ các thông tin về kỳ thi tuyển sinh 10 THPT năm học 2015-2016, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) An Giang thông báo các nội dung cần lưu ý để đảm bảo kỳ thi diễn ra nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế.**

Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 (trường THPT chuyên và THPT công lập khác) sẽ được tổ chức vào ngày 18 và 19-6, với 3 môn thi viết bắt buộc: Ngữ văn (120 phút), Toán (120 phút), Ngoại ngữ (60 phút). Thí sinh thi tuyển vào trường THPT chuyên sẽ thi thêm môn chuyên, trong đó thời gian thi môn Hóa học và Ngoại ngữ 120 phút, các môn khác 150 phút; riêng môn Tin học, thí sinh thi lập trình trực tiếp trên máy tính.

**Lịch thi cụ thể như sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày | Buổi | Môn thi | Giờ mở đề tại phòng Hội đồng | Giờ phát đề tại phòng thi | Giờ bắt đầu làm bài |
| 17-6-2015 | Chiều | Từ 14 giờ : Thí sinh có mặt tại Hội đồng coi thi để nghe sinh hoạt | | | |
| 18-6-2015 | Sáng | Ngữ văn | 7 giờ 15 phút | 7 giờ 25 phút | 7 giờ 30 phút |
| Chiều | Ngoại ngữ | 13 giờ 30 phút | 13 giờ 45 phút | 13 giờ 50 phút |
| 19-6-2015 | Sáng | Toán | 7 giờ 15 phút | 7 giờ 25 phút | 7 giờ 30 phút |
| Chiều | Chuyên | 13 giờ 30 phút | 13 giờ 45 phút | 13 giờ 50 phút |

Có 4 đối tượng được tuyển thẳng vào các trường THPT gồm:

1 - HS trường phổ thông dân tộc nội trú đã tốt nghiệp THCS.

2 - HS là người dân tộc rất ít người.

3 - HS khuyết tật.

4 - HS đạt giải cấp quốc gia trở lên về văn hóa, văn nghệ, thể dục-thể thao, cuộc thi khoa học-kỹ thuật dành cho HS trung học.

**Phương thức thi tuyển:**

Đối với THPT chuyên: HS thi tuyển theo quy chế trường chuyên qua hai vòng sơ tuyển và thi tuyển. Những HS có điểm đạt vòng sơ tuyển mới được dự thi tuyển.

Đối với các trường THPT công lập khác: HS không thuộc diện tuyển thẳng phải thi tuyển. HS dự thi tại hội đồng coi thi đặt tại trường THPT nơi đăng ký nguyện vọng 1.

**Phương thức xét tuyển:**

Đối với các trường THPT công lập khác: HS không thuộc diện tuyển thẳng phải dự xét tuyển.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều kiện tuyển sinh** | | |
|  | **THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu và Thủ Khoa Nghĩa** | **Các trường THPT công lập khác** |
| Điều kiện về tuổi | + Tuổi của HS vào học lớp 10 là 15 tuổi (tính từ năm sinh đến năm 2015). HS là người dân tộc thiểu số, HS khuyết tật, HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, HS ở nước ngoài về nước thì tuổi tối đa là 18 tuổi.    + Những HS đã tốt nghiệp THCS các năm trước nhưng chưa được tuyển sinh vào lớp 10 THPT. Nay có nguyện vọng thi tuyển vào lớp 10 THPT phải làm đơn trình bày hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có xác nhận của địa phương nơi cư trú, tuổi tối đa là 17 tuổi.    + HS được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc HS vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước, nhưng tối đa không quá 18 tuổi. | Như điều kiện thi vào lớp 10 chuyên. |
| Điều kiện học lực, hạnh kiểm | + Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp cấp THCS từ khá trở lên.    + Xếp loại tốt nghiệp trung học cơ sở từ khá trở lên. | Đã tốt nghiệp THCS năm học 2014-2015 hoặc các năm học trước. |
| **Đăng ký dự tuyển** | | |
|  | **THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu và Thủ Khoa Nghĩa** | **Các trường THPT công lập khác** |
|  | Tuyển sinh không phân biệt địa bàn. Ngoài nguyện vọng đăng ký vào trường chuyên, HS được chọn thêm 2 nguyện vọng vào hai trường THPT công lập khác. | Đăng ký theo địa bàn tuyển sinh, mỗi HS chọn tối đa 2 nguyện vọng vào lớp 10 trường THPT theo thứ tự ưu tiên 1, 2. Nguyện vọng 1 không phân biệt địa bàn, nguyện vọng 2 phải theo địa bàn tuyển sinh. |

**Nguyên tắc xét tuyển:**

Trường THPT chuyên sẽ xét tuyển trước (Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu tuyển đủ chỉ tiêu các lớp chuyên và không chuyên; Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa chỉ tuyển các lớp chuyên).

Học sinh không trúng tuyển vào trường THPT chuyên sẽ được xét tiếp các nguyện vọng 1 và 2 vào trường THPT còn lại; đồng thời xét nguyện vọng 1 và 2 đối với các trường THPT công lập khác.

Các trường THPT công lập khác tùy theo điểm thi tuyển hoặc xét tuyển, xét lần lượt nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2. Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa tuyển sinh thêm chỉ tiêu của lớp 10 THPT hệ công lập, ngoài các lớp chuyên.

|  |
| --- |
| \* Công tác ra đề thi của Sở GD-ĐT thực hiện theo Quy  chế của Bộ GD-ĐT: Nội dung đề thi trong phạm vi chương trình THCS do Bộ GD-ĐT ban hành, chủ yếu ở lớp 9. Đề thi đảm bảo chính xác, rõ ràng, phân hóa được trình độ học sinh, phù hợp với thời gian qui định cho từng môn thi. |

**Cách tính điểm xét tuyển:**

**\*Trường THPT chuyên**

Tính điểm xét tuyển vào lớp chuyên theo qui chế của trường THPT chuyên. Tuyển học sinh các lớp chuyên và không chuyên theo chỉ tiêu của Sở GDĐT. Sau khi có kết quả vào trường THPT chuyên, các học sinh trúng tuyển nộp hồ sơ vào học tại THPT chuyên.

          \***Đối với trường THPT công lập khác**

+ Trường thi tuyển: Điểm xét tuyển là tổng điểm 3 bài thi đã tính theo hệ số (không có bài thi nào bị điểm 0) và điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên, khuyến khích. Điểm chuẩn và điểm sàn của từng trường theo nguyện vọng 1, 2 do Ban Tuyển sinh tỉnh quyết định căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh, theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh trường và đảm bảo chất lượng đầu vào cấp THPT (Điểm sàn nguyện vọng 2 bằng hoặc cao hơn điểm chuẩn nguyện vọng 1).

Học sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 sẽ được xét tiếp nguyện vọng 2: nếu trường đăng ký nguyện vọng 2 là trường thi tuyển thì sẽ xét điểm thi, nếu trường đăng ký nguyện vọng 2 là trường xét tuyển thì căn cứ điểm xét tuyển.

+ Trường xét tuyển: Điểm xét tuyển là tổng số điểm của: + Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học ở trung học cơ sở;

+ Điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên, khuyến khích.

Học sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 sẽ được xem xét tiếp nguyện vọng 2 nếu trường đăng ký nguyện vọng 2 là trường xét tuyển; ngược lại, nếu trường đăng ký nguyện vọng 2 là trường thi tuyển sẽ không được xét.

**DANH SÁCH TRƯỜNG THPT CHUYÊN BIỆT THI TUYỂN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Chỉ tiêu** | **Hệ chuyên** | **Hệ không chuyên** | **Ghi chú** |
| 1 | THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu | 430 | 350 | 80 |  |
| 2 | THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa | 210 | 210 |  |  |
| 3 | PT Dân tộc nội trú An Giang | 170 |  |  |  |

**DANH SÁCH TRƯỜNG THPT THI TUYỂN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Chỉ tiêu** | **STT** | **Tên trường** | **Chỉ tiêu** |
| 1 | PT Thực hành sư phạm | 200 | 2 | THPT Long Xuyên | 520 |
| 3 | THPT Bình Khánh | 450 | 4 | THPT Mỹ Thới | 480 |
| 5 | THPT Nguyễn Khuyến | 520 | 6 | THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | 580 |
| 7 | THPT Trần Văn Thành | 400 | 8 | THPT Thủ Khoa Nghĩa | 320 |
| 9 | THPT Võ Thị Sáu | 560 | 10 | THPT Tân Châu | 460 |
| 11 | THPT Chu Văn An | 440 | 12 | THPT Châu Văn Liêm | 500 |
| 13 | THPT Nguyễn Hữu Cảnh | 540 |  |  |  |

**DANH SÁCH TRƯỜNG THPT XÉT TUYỂN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Chỉ tiêu** | **STT** | **Tên trường** | **Chỉ tiêu** |
| 1 | THPT Mỹ Hòa Hưng | 210 | 2 | THPT Nguyễn Văn Thoại | 620 |
| 3 | THPT Vọng Thê | 440 | 4 | THPT Vĩnh Trạch | 400 |
| 5 | THPT Cần Đăng | 360 | 6 | THPT Vĩnh Bình | 400 |
| 7 | THPT Thạnh Mỹ Tây | 420 | 8 | THPT Châu Phú | 440 |
| 9 | PT Bình Long | 200 | 10 | THPT Bình Mỹ | 440 |
| 11 | THPT Chi Lăng | 450 | 12 | THPT Tịnh Biên | 400 |
| 13 | THPT Xuân Tô | 320 | 14 | THPT Nguyễn Trung Trực | 530 |
| 15 | PT Cô Tô | 200 | 15 | THPT Ba Chúc | 405 |
| 17 | THPT An Phú 2 | 280 | 18 | THPT An Phú | 480 |
| 19 | THPT Vĩnh Lộc | 165 | 20 | THPT Quốc Thái | 440 |
| 21 | THPT Nguyễn Quang Diêu | 360 | 22 | THPT Đức Trí | 440 |
| 23 | THPT Vĩnh Xương | 320 | 24 | THPT Châu Phong | 280 |
| 25 | THPT Hòa Lạc | 240 | 26 | THPT Bình Thạnh Đông | 240 |
| 27 | PT Phú Tân | 280 | 28 | THPT Nguyễn Chí Thanh | 380 |
| 29 | THPT Mỹ Hội Đông | 290 | 30 | THPT Long Kiến | 400 |
| 31 | THPT Hòa Bình | 440 | 32 | THPT Mỹ Hiệp | 280 |
| 33 | THPT Huỳnh Thị Hưởng | 400 |  |  |  |

**MỸ HẠNH**